



GIẤY ĐĂNG KÝ THÔNG TIN TÀI KHOẢN CHUNG
APPLICATION FOR JOINT ACCOUNT INFORMATION

DÙNG CHO TỔ CHỨC / FOR ORGANIZATION

DÀNH CHO NGÂN HÀNG
(Bank use only)
MÃ KHÁCH HÀNG:
(CLIENT No)

☐ **Mở tài khoản**
(Opening account)

☐ **Thay đổi thông tin**
(Changing information)

Kính gửi: NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG
To: SAIGON BANK FOR INDUSTRY AND TRADE (SAIGONBANK)

Chi nhánh (Branch): _____

Chúng tôi đề nghị Ngân hàng mở tài khoản /điều chỉnh thông tin cho chúng tôi với các nội dung sau:
(We hereby would like to request SAIGONBANK to open an account/change information for us with the following details)

A. THÔNG TIN TÀI KHOẢN
(ACCOUNT HOLDER'S INFORMATION)

- Tên tài khoản: TÀI KHOẢN CHUNG** _____
(Full Name of Joint Account)
- Địa chỉ liên hệ:** _____
(Correspondence address:)
- Điện thoại:** _____ **Fax:** _____ **Website:** _____
(Telephone)

B. THÔNG TIN CỦA CHỦ TÀI KHOẢN THỨ NHẤT
(1ST ACCOUNT HOLDER'S INFORMATION)

I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ:
(INFORMATION OF ORGANIZATION)

- TÊN CỦA ĐƠN VỊ:** _____
(Organization's name)
Tên tiếng Anh: _____
(English name)
Tên viết tắt: _____
(Short name)
- Địa chỉ trụ sở chính:** _____
(Headquarter address)
Địa chỉ liên hệ: _____
(Correspondence address)
- Mã số thuế:** _____ **Cư trú:** ☐ **Có** ☐ **Không**
(Tax code) (Residence) (Yes) (No)
- Quyết định thành lập số:** _____ **Ngày cấp:** _____ **Nơi cấp:** _____
(Establishment license No.) (Date of issue) (Place of issue)
- Giấy phép ĐKKD số:** _____ **Ngày cấp:** _____ **Nơi cấp:** _____
(Business registration certificate No.) (Date of issue) (Place of issue)
- Điện thoại:** _____ **Fax:** _____ **Website:** _____
(Telephone)
- Loại hình đơn vị (Type of Entity):**
☐ DN Nhà nước
(State-Owned Enterprise)
☐ Cty TNHH 1TV do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ
(Wholly State-Owned Single member limited liability Co.(LLC))
☐ Cty hợp danh
(Partnership)
☐ Cty TNHH 2TV trở lên (Nhà nước góp trên 50% vốn điều lệ)
(Multimember LLC.)(State owns above 50% chartered capital)
☐ Hợp tác xã
(Co-operative)
☐ Cty TNHH khác
(Other Limited Liability Co.)

- ☐ Cty nước ngoài
(Foreign Co.)
- ☐ Tổ chức quốc tế
(International Organization)
- ☐ Tổ chức phi tài chính
(Non-Financial Institution)
- ☐ Tổ chức tài chính trong nước
(Domestic Financial Institution)
- ☐ Tổ chức tài chính nước ngoài
(Foreign Financial Institution)
- ☐ Khác: _____
(Others)
- ☐ Cty cổ phần (Nhà nước góp trên 50% vốn điều lệ)
(Joint stock Co.) (State owns above 50% chartered capital)
- ☐ Cty nước ngoài được cấp phép bởi Hoa Kỳ (vui lòng điền Mẫu W9)
(Foreign Co. licensed by the US) (W9 Form required)
- ☐ Cty cổ phần khác
(Other Joint stock Co.)
- ☐ Tổ chức phi lợi nhuận
(Nonprofit Organization)
- ☐ Đơn vị hành chính, sự nghiệp, đảng, đoàn thể và hiệp hội
(Administrative Organizations, Party, Union and Associations)

8. **Ngành nghề kinh doanh:** _____
(Business line)

9. **Tên đơn vị chủ quản (nếu có):** _____
(Parent company's name (if any))

Địa chỉ đơn vị chủ quản: _____
(Parent company's address)

II. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP: (LEGAL REPRESENTATIVE'S INFORMATION)

1. **Họ tên:** _____ **Cư trú:** _____ ☐ **Có** ☐ **Không**
(Full name) (Residence) (Yes) (No)

2. **Địa chỉ thường trú:** _____
(Permanent residential address)

3. **Địa chỉ nước ngoài:** _____
(Overseas address)

4. **Chức vụ:** _____
(Position)

5. **Sinh ngày:** _____ **Giới tính:** ☐ **Nam** ☐ **Nữ**
(Date of birth) (Gender) (Male) (Female)

6. **Số CMND/CCCD:** _____ **Ngày cấp:** _____ **Nơi cấp:** _____
(ID No.) (Date of issue) (Place of issue)

Hoặc hộ chiếu: _____ **Ngày cấp:** _____ **Ngày hết hạn:** _____ **Nơi cấp:** _____
(Or Passport No.) (Date of issue) (Date of expiry) (Place of issue)

7. **Số thị thực nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):** _____
(Entry Visa Number to VN / if any)

Ngày cấp: _____ **Ngày hết hạn:** _____ **Nơi cấp:** _____
(Date of issue) (Date of expiry) (Place of issue)

8. **Điện thoại:** _____ **Email:** _____
(Phone No.)

9. **Quốc tịch:** _____ **Dân tộc:** _____
(Nationality) (Ethnicity)

10. **Số lượng quốc tịch (khác với quốc tịch đã khai ở trên):** _____
(Number of nationalities which are different from the above mentioned)

• **Quốc tịch khác:** _____
(Other Nationalities)

Hộ chiếu số: _____ **Ngày cấp:** _____ **Ngày hết hạn:** _____ **Nơi cấp:** _____
(Passport No.) (Date of issue) (Date of expiry) (Place of issue)

Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch: _____
(Registered residential address in the country of this nationality)

Mã ZIP: _____ **Số điện thoại (vui lòng ghi rõ mã nước và mã vùng):** _____
(ZIP code) (Phone No. – please specify country code and area code)

11. Số thẻ xanh của Hoa Kỳ (nếu có): _____
(US green card holder No./ US permanent resident No.)

Ngày cấp: _____ Ngày hết hạn: _____ Nơi cấp: _____
(Date of issue) (Date of expiry) (Place of issue)

12. Là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ? ☐ Không ☐ Có (Mẫu đơn W-9)
(Are you a U.S. citizen or U.S. resident individual?) (No) (Yes) (Form W-9)
(có cư trú tại Hoa Kỳ ít nhất 31 ngày trong năm hiện tại và 183 ngày trong 3 năm bao gồm năm hiện tại và 2 năm trước đó) (Resident alien who has been in the US for at least 31 days in the current calendar year and 183 days during the three year period that includes the current year and the two preceding years.)

13. Có địa chỉ nhận thư hộ hoặc giữ thư tại Hoa Kỳ? ☐ Không ☐ Có (Mẫu đơn W-9 hoặc W-8BEN)
(Is there any address on file which is in care of or hold mail in the US?) (No) (Yes) (Form W-9 or W-8BEN)

III. THÔNG TIN KHÁC CỦA ĐƠN VỊ: (OTHER INFORMATION OF ORGANIZATION)

1. Là cổ đông SAIGONBANK ? ☐ Có. Số lượng cổ phần: _____ ☐ Không
(Is the organization a SAIGONBANK's shareholder?) (Yes) (The percentage of shares) (No)

2. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của đơn vị:
(Information of the organization's beneficial owners)

2.1 Các cổ đông là tổ chức nắm giữ 10% trở lên Vốn điều lệ: ☐ Có (**) ☐ Không
(Shareholders which are organizations owning 10% or above of the chartered capital) (Yes) (No)
(**) Vui lòng kê khai thêm mẫu PLTC 01.2018 (PLTC 01.2018 form required)

2.2 Các cổ đông là cá nhân nắm giữ 10% trở lên Vốn điều lệ: ☐ Có (***) ☐ Không
(Shareholders which are individuals owning 10% or above of the chartered capital) (Yes) (No)
(***) Vui lòng kê khai thêm mẫu PLCN 01.2018 (PLCN 01.2018 required)

C. THÔNG TIN CỦA CHỦ TÀI KHOẢN THỨ HAI (2ND ACCOUNT HOLDER'S INFORMATION)

I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ: (INFORMATION OF ORGANIZATION)

1. TÊN ĐƠN VỊ: _____
(Organization's name)

Tên tiếng Anh: _____
(English name)

Tên viết tắt: _____
(Short name)

2. Địa chỉ trụ sở chính: _____
(Headquarter address)

Địa chỉ liên hệ: _____
(Correspondence address)

3. Mã số thuế: _____ Cư trú: ☐ Có ☐ Không
(Tax code) (Residence) (Yes) (No)

4. Quyết định thành lập số: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
(Establishment license No.) (Date of issue) (Place of issue)

5. Giấy phép ĐKKD số: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
(Business registration certificate No.) (Date of issue) (Place of issue)

6. Điện thoại: _____ Fax: _____ Website: _____
(Telephone)

7. Loại hình đơn vị (Type of Entity):

☐ DN Nhà nước
(State-Owned Enterprise)

☐ Cty TNHH 1TV do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ
(Wholly State-Owned Single member limited liability Co.(LLC))

☐ Cty hợp danh
(Partnership)

☐ Cty TNHH 2TV trở lên (Nhà nước góp trên 50% vốn điều lệ)
(Multimember LLC.)(State owns above 50% chartered capital)

☐ Hợp tác xã
(Co-operative)

☐ Cty TNHH khác
(Other Limited Liability Co.)

- ☐ Cty nước ngoài
(Foreign Co.)
- ☐ Tổ chức quốc tế
(International Organization)
- ☐ Tổ chức phi tài chính
(Non-Financial Institution)
- ☐ Tổ chức tài chính trong nước
(Domestic Financial Institution)
- ☐ Tổ chức tài chính nước ngoài
(Foreign Financial Institution)
- ☐ Khác: _____
(Others)
- ☐ Cty cổ phần (Nhà nước góp trên 50% vốn điều lệ)
(Joint stock Co.) (State owns above 50% chartered capital)
- ☐ Cty nước ngoài được cấp phép bởi Hoa Kỳ (vui lòng điền Mẫu W9)
(Foreign Co. licensed by the US) (W9 Form required)
- ☐ Cty cổ phần khác
(Other Joint stock Co.)
- ☐ Tổ chức phi lợi nhuận
(Nonprofit Organization)
- ☐ Đơn vị hành chính, sự nghiệp, đảng, đoàn thể và hiệp hội
(Administrative Organizations, Party, Union and Associations)

8. **Ngành nghề kinh doanh:** _____
(Business line)

9. **Tên đơn vị chủ quản (nếu có):** _____
(Parent company's name (if any))

Địa chỉ đơn vị chủ quản: _____
(Parent company's address)

II. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP:

(LEGAL REPRESENTATIVE'S INFORMATION)

1. **Họ tên:** _____ **Cư trú:** _____ ☐ Có ☐ Không
(Full name) (Residence) (Yes) (No)

2. **Địa chỉ thường trú:** _____
(Permanent address)

3. **Địa chỉ nước ngoài:** _____
(Oversea address)

4. **Chức vụ:** _____
(Position)

5. **Sinh ngày:** _____ **Giới tính:** ☐ Nam ☐ Nữ
(Date of birth) (Gender) (Male) (Female)

6. **Số CMND/CCCD:** _____ **Ngày cấp:** _____ **Nơi cấp:** _____
(ID No.) (Date of issue) (Place of issue)

Hoặc hộ chiếu: _____ **Ngày cấp:** _____ **Ngày hết hạn:** _____ **Nơi cấp:** _____
(Or Passport No.) (Date of issue) (Date of expiry) (Place of issue)

7. **Số thị thực nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):** _____
(Entry Visa Number to VN / if any)

Ngày cấp: _____ **Ngày hết hạn:** _____ **Nơi cấp:** _____
(Date of issue) (Date of expiry) (Place of issue)

8. **Điện thoại:** _____ **Email:** _____
(Phone No.)

9. **Quốc tịch:** _____ **Dân tộc:** _____
(Nationality) (Ethnicity)

10. **Số lượng quốc tịch (khác với quốc tịch đã khai ở trên):** _____
(Number of nationalities which are different from the above mentioned)

• **Quốc tịch khác:** _____
(Other Nationalities)

Hộ chiếu số: _____ **Ngày cấp:** _____ **Ngày hết hạn:** _____ **Nơi cấp:** _____
(Passport No.) (Date of issue) (Date of expiry) (Place of issue)

Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch: _____
(Registered residential address in the country of this nationality)

Mã ZIP: _____ **Số điện thoại (vui lòng ghi rõ mã nước và mã vùng):** _____
(ZIP code) (Phone No. – please specify country code and area code)

11. Số thẻ xanh của Hoa Kỳ (nếu có): _____
(US green card holder No./ US permanent resident No.)

Ngày cấp: _____ Ngày hết hạn: _____ Nơi cấp: _____
(Date of issue) (Date of expiry) (Place of issue)

12. Là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ? ☐ Không ☐ Có (Mẫu đơn W-9)
(Are you a U.S. citizen or U.S. resident individual?) (No) (Yes) (Form W-9)
(có cư trú tại Hoa Kỳ ít nhất 31 ngày trong năm hiện tại và 183 ngày trong 3 năm bao gồm năm hiện tại và 2 năm trước đó) (Resident alien who has been in the US for at least 31 days in the current calendar year and 183 days during the three year period that includes the current year and the two preceding years.)

13. Có địa chỉ nhận thư hộ hoặc giữ thư tại Hoa Kỳ? ☐ Không ☐ Có (Mẫu đơn W-9 hoặc W-8BEN)
(Is there any address on file which is in care of or hold mail in the US?) (No) (Yes) (Form W-9 or W-8BEN)

III. THÔNG TIN KHÁC CỦA ĐƠN VỊ : (OTHER INFORMATION OF ORGANIZATION)

1. Là cổ đông SAIGONBANK ? ☐ Có. Số lượng cổ phần: _____ ☐ Không
(Is the organization a SAIGONBANK's shareholder?) (Yes) (The percentage of shares) (No)

2. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của đơn vị:
(Information of the organization's beneficial owners)

2.1 Các cổ đông là tổ chức nắm giữ 10% trở lên Vốn điều lệ: ☐ Có (**) ☐ Không
(Shareholders which are organizations owning 10% or above of the chartered capital) (Yes) (No)
(**) Vui lòng kê khai thêm Mẫu PLTC 01.2018 (PLTC 01.2018 Form required)

2.2 Các cổ đông là cá nhân nắm giữ 10% trở lên Vốn điều lệ: ☐ Có (***) ☐ Không
(Shareholders which are individuals owning 10% or above of the chartered capital) (Yes) (No)
(***) Vui lòng kê khai thêm Mẫu PLCN 01.2018 (PLCN 01.2018 Form required)

D. CÁC YÊU CẦU VỀ MỞ TÀI KHOẢN: (REQUESTS ATTACHING TO ACCOUNT)

1. Loại tài khoản: ☐ Tiền gửi thanh toán không kỳ hạn ☐ Tiền gửi có kỳ hạn
(Type of A/C required) (Current account) (Term deposit)

☐ Tài khoản vốn đầu tư (*)
(Investment account)

2. Loại tiền: ☐ VND ☐ USD ☐ Ngoại tệ khác: _____
(Currency) (Others)

3. Đăng ký ủy quyền tài khoản ☐ Không ☐ Có (Vui lòng điền phụ lục đính kèm)
(Registering to grant authorization of account to another person) (No) (Yes) (Please fill in the attached annex)

4. Các yêu cầu khác:
(Others)

• Sổ phụ tài khoản: ☐ Gửi bưu điện ☐ Nhận tại ngân hàng
(Statement) (Via post) (Collected at the Bank)

☐ Gửi qua Email _____
(Via Email)

• Địa chỉ gửi chứng từ (nếu khác với địa chỉ liên hệ): _____
(Mailing address)

• Chu kỳ nhận sổ phụ: ☐ Hàng ngày ☐ Hàng tháng ☐ Khi có yêu cầu
(Statement delivery frequency) (Daily) (Monthly) (Upon request)

• Kiểm tra thông tin tài khoản qua điện thoại ☐ Có đăng ký ☐ Không đăng ký
(Access to A/C information via telephone) (Registered) (Non-Registered)

5. Đăng ký dịch vụ (theo biểu mẫu của SAIGONBANK)
(Registered services) (as per SAIGONBANK's forms)

☐ Internet Banking

☐ Topup

☐ Thanh toán trực tuyến SAIGONBANK
(SAIGONBANK Online Payment)

- ☐ SMS Nhận tin nhắn biến động số dư tài khoản (các nhà mạng tại Việt Nam: Mobifone, Vinaphone, Viettel, ...) (SMS notice of changes in account balance by SMS) (Telecommunication suppliers in Vietnam include Mobifone, Vinaphone, Viettel, ...)
- ☐ Thanh toán tiền điện hàng tháng cho TCT Điện lực (Paying monthly electricity bill to Electricity Corporation (EVN))
- ☐ Thanh toán tiền điện thoại/internet... hàng tháng cho VNPT Hà Nội/TPHCM (Paying monthly telephone/internet bill... to VNPT Hanoi/HCMC)

E. PHÀN CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG: (CUSTOMER'S ENGAGEMENT)

- Chúng tôi cam kết mọi thông tin đã đăng ký là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm với những thông tin đã đăng ký như trên.
We hereby confirm that the registered details are true and correct and we will bear full responsibility for the above registered details.
 - Trong quá trình mở và sử dụng tài khoản, SAIGONBANK có thể đề nghị chúng tôi cung cấp thêm các giấy tờ và thông tin để xác minh các thông tin theo quy định của pháp luật và quy định của SAIGONBANK.
During the process of opening and using the account, SAIGONBANK could require additional documents and information for verification according to Government's laws and Rules of SAIGONBANK.
 - Thông tin đăng ký tài khoản nói trên thay thế các thông tin đăng ký trước đây (nếu có)
The above registered information the formerly registered information (If any)
 - Bằng việc đánh dấu vào những ô thích hợp và ký tên vào Giấy đăng ký thông tin tài khoản này, chúng tôi cam kết đã khai báo trung thực về tình trạng thuế của chúng tôi theo luật thuế Hoa Kỳ. Chúng tôi hiểu rằng việc khai báo không đúng hoặc gây hiểu lầm về tình trạng thuế của chúng tôi với tư cách công dân Hoa Kỳ sẽ dẫn tới việc vi phạm luật pháp Hoa Kỳ. Chúng tôi đồng ý cho SAIGONBANK được phép cung cấp tất cả các thông tin của chúng tôi theo quy định của pháp luật Việt Nam, theo yêu cầu của chính phủ Hoa Kỳ và đạo luật **FATCA** (Foreign Account Tax Compliance Act: Là Đạo luật tuân thủ Thuế đối với tài khoản nước ngoài do Chính phủ Mỹ thông qua vào ngày 18/03/2010 với mục đích là thu thập các thông tin hoặc dữ liệu liên quan đến các đối tượng nộp thuế của Mỹ (cá nhân và tổ chức) từ các định chế tài chính nước ngoài).
By checking the appropriate boxes and signing this Application for Account Information Form below, we hereby undertake to declare our tax status under US tax law in a true and correct way. We understand that a false statement or misrepresentation of our tax status as a US person could lead to violation of the US law. We agree to allow SAIGONBANK to provide the relevant authorities with our account information according to Vietnam Government's laws, US Government's Requests and FATCA. (Foreign Account Tax Compliance Act (FATCA) was enacted on 18 March 2010 by the US Congress applied to US taxpayers using foreign account. The purpose of FATCA is to collect information or data relating to U.S. taxpayers (individual or organization) from Foreign Financial Institutions (outside the US).
- (*) Trong trường hợp chúng tôi đăng ký mở tài khoản vốn đầu tư tại SAIGONBANK thì SAIGONBANK là ngân hàng duy nhất chúng tôi mở tài khoản để thực hiện các giao dịch theo quy định của pháp luật.
In case we apply for opening an investment account at SAIGONBANK, SAIGONBANK will be the only bank at which we open the account to perform transactions according to Government's laws.

Ngày/Date.....Tháng/Month.....Năm/Year.....
Đồng chủ tài khoản (Ký, ghi rõ họ tên & đóng dấu)
Joint account holders (Signature(s), Full name(s) & Stamp)

CHỮ KÝ MẪU VÀ MẪU DẤU / Specimen Signature & Stamp

HỌ TÊN & CHỨC VỤ <i>Name & position</i>	CMND/CCCD / HỘ CHIẾU <i>ID / Passport</i>	CHỮ KÝ 1 <i>Signature 1</i>	CHỮ KÝ 2 <i>Signature 2</i>
CHỦ TÀI KHOẢN THỨ NHẤT <i>1ST ACCOUNT HOLDER</i>			
1. Người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản/ Legal Representative of Account holder 1.1 Người đại diện hợp pháp thứ nhất/ <i>1ST legal Representative of Account holder</i> Họ tên (Name): Chức vụ (Position):	Số/No.: Ngày: <i>(Date of issue)</i> Nơi cấp: <i>(Place of issue)</i>		
1.2 Người đại diện hợp pháp thứ hai/ <i>2ND legal Representative of Account holder</i> Họ tên (Name): Chức vụ (Position):	Số/No.: Ngày: <i>(Date of issue)</i> Nơi cấp: <i>(Place of issue)</i>		
Kế toán trưởng / Chief Accountant Họ tên (Name):	Số/No.: Ngày: <i>(Date of issue)</i> Nơi cấp: <i>(Place of issue)</i>		
Người được ủy quyền/ <i>Authorized person</i> Họ tên (Name): Văn bản ủy quyền số: <i>(Procuration No.)</i> Ngày: <i>(Date of Authorized)</i> Thời hạn ủy quyền: <i>(Period of Authorized)</i> Phạm vi ủy quyền: <i>(Scope of Authorized)</i>	Số/No.: Ngày: <i>(Date of issue)</i> Nơi cấp: <i>(Place of issue)</i>		
CHỦ TÀI KHOẢN THỨ HAI <i>2ND ACCOUNT HOLDER</i>			
1. Người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản/ Legal Representative of Account holder 1.1 Người đại diện hợp pháp thứ nhất/ <i>1ST legal Representative of Account holder</i> Họ tên (Name): Chức vụ (Position):	Số/No.: Ngày: <i>(Date of issue)</i> Nơi cấp: <i>(Place of issue)</i>		
1.2 Người đại diện hợp pháp thứ hai/ <i>2ND legal Representative of Account holder</i> Họ tên (Name): Chức vụ (Position):	Số/No.: Ngày: <i>(Date of issue)</i> Nơi cấp: <i>(Place of issue)</i>		

Kế toán trưởng / Chief Accountant Họ tên (Name):	Số/No.: Ngày: (Date of issue) Nơi cấp: (Place of issue)		
Người được ủy quyền/Authorized person Họ tên (Name): Văn bản ủy quyền số: (Procuration No.) Ngày: (Date of Authorized) Thời hạn ủy quyền: (Period of Authorized) Phạm vi ủy quyền: (Scope of Authorized)	Số/No.: Ngày: (Date of issue) Nơi cấp: (Place of issue)		
MẤU DẤU Stamp			

GIẤY TỜ ĐÍNH KÈM / Documents enclosed

Bản sao giấy tờ có xác nhận sao y bản chính của công chứng Nhà nước:

Copies of following documents certified by the Public notary
☐ Quyết định / Giấy phép thành lập doanh nghiệp
The Establishment Licence
☐ CMND / Passport /CCCD người đại diện hợp pháp
Legal Representative's ID / Passport
☐ Giấy phép đăng ký kinh doanh
The Business Registration Certificate
☐ Giấy chứng nhận đăng ký thuế
Certificate of tax registration
☐ Quyết định bổ nhiệm chức vụ của người đại diện hợp pháp/*The Appointment decision of Legal Representative' position*
☐ Các giấy tờ có liên quan:
Other Relevant Documents
☐ Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng
The Appointment decision of Chief Accountant
PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG (Bank use only)

- Ngày mở tài khoản (A/c opening date) : - Ngày đóng tài khoản (A/c closing date): - Ngày hiệu lực (Effective date) :	- Số tài khoản VND (VND A/C No.) : - Số tài khoản USD (USD A/C No.): - Số tài khoản khác (Other A/C No.) :
---	--

Giao dịch viên
Teller
Kiểm soát
Supervisor
Tổng giám đốc (Giám đốc)
General Director/Director